

Số 1664 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023
của Bộ Giao thông vận tải**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/08/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2664/QĐ-BTC ngày 07/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 của Bộ Giao thông vận tải (theo biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tài chính;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công TTĐT Bộ GTVT (để công khai);
- Tpublic Bộ GTVT (để công khai);
- Lưu: VT, TC (Bong).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Duy Lâm

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023

(theo Quyết định số 664 /QĐ-BGTVT ngày 20 /12/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kinh phí
I	THU, CHI PHÍ, LỆ PHÍ	
1	Thu phí	15.906.455
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Phí sử dụng đường bộ</i>	<i>10.714.370</i>
	<i>Phí bảo đảm hàng hải</i>	<i>2.235.600</i>
	<i>Phí bay qua vùng trời Việt Nam</i>	<i>790.886</i>
	<i>Phí sử dụng hạ tầng đường sắt</i>	<i>300.000</i>
2	Thu lệ phí	243.437
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	15.243.770
4	Chi từ nguồn thu phí được để lại	906.122
II	CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
1	Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	94.161.562
2	Chi dự trữ quốc gia	15.400
3	Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	20.979.870
-	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	339.420
	<i>Trong đó: Chi đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức ở trong nước</i>	<i>2.800</i>
-	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	51.620
-	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.540
-	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	6.140
-	Chi các hoạt động kinh tế	20.250.550
+	<i>Chi hoạt động kinh tế đường bộ</i>	<i>12.000.000</i>
+	<i>Chi hoạt động kinh tế đường sắt</i>	<i>3.850.000</i>
+	<i>Chi hoạt động kinh tế hàng hải</i>	<i>3.000.000</i>
+	<i>Chi hoạt động kinh tế đường thủy nội địa</i>	<i>1.030.000</i>
+	<i>Chi hoạt động kinh tế hàng không</i>	<i>19.240</i>
+	<i>Chi đảm bảo trật tự an toàn giao thông</i>	<i>58.220</i>
+	<i>Chi hoạt động tìm kiếm cứu nạn</i>	<i>229.500</i>
+	<i>Chi nghiệp vụ dự trữ quốc gia</i>	<i>410</i>
+	<i>Chi hoạt động kinh tế khác</i>	<i>63.180</i>
-	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	329.600
3	Chi các Chương trình mục tiêu quốc gia	10.258
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	300
-	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	9.608
-	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	350